

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2023
“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Mên

2. Ông Nguyễn Trung Hoà

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2007 chị và anh Nguyễn Quốc V có xác lập quan hệ hôn nhân và đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Thời gian đầu sống hạnh phúc, khoảng 3-4 năm nay phát sinh mâu thuẫn do anh V có tính hay ghen, chửi chị nhiều lần, sống không hạnh phúc nên tháng 12 năm 2022 chị bỏ đi và vợ chồng ly thân cho đến nay nên chị yêu cầu ly hôn với anh V.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 06/10/2009, Nguyễn Ngọc T sinh ngày 11/7/2014 đang sống chung với anh V, chị L để anh V tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Quốc V trình bày:

Anh V thống nhất với lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân. Thời gian chung sống có mâu thuẫn từ khi dịch bệnh, không đi làm được, kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tháng 12 năm 2022, vợ bỏ đi để 02 con lại anh nuôi, anh không biết vợ ở đâu, anh điện thoại thì vợ không nghe máy, anh muốn tìm gặp để vợ chồng thoả thuận hàng gần cùng nhau nuôi con, nhưng chị L luôn trốn tránh không gặp mặt anh, anh vẫn còn tình cảm với chị L và anh không muốn các con sống thiếu tình cảm cha mẹ, tuy nhiên tại toà hôm nay vợ anh cương quyết xin ly hôn nên anh chấp nhận ly hôn. Về con chung anh V đồng ý nuôi 02 con chung như chị L trình bày, anh chưa yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 06/10/2009, Nguyễn Ngọc T sinh ngày 11/7/2014 trình bày: Cha mẹ ly hôn, chúng tôi có nguyện vọng sống chung với cha, vì lúc mẹ bỏ đi tháng 12/2022 đến nay chúng tôi sống chung với cha.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị L ly hôn anh V. Về con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 06/10/2009, Nguyễn Ngọc T sinh ngày 11/7/2014 hiện tại đang sống chung với anh V và có nguyện vọng sống chung với anh V khi cha mẹ ly hôn, nên cần giao con cho V tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, về nợ chung chị L và anh V không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị L và anh V là tranh chấp về ly hôn, nuôi con; bị đơn đang cư trú tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vào năm 2009 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị L và anh V hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị L xin ly hôn anh V, theo lời khai của chị L tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay thì trong thời gian chung sống anh V có tính ghen nên hay ghen vô cớ vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sống chung không hạnh phúc, tháng 12/2022 chị bỏ đi và vợ chồng ly thân cho đến nay, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh V nên cương quyết xin được ly hôn; về phía anh V cho rằng thời gian chung sống anh rất thương vợ con, quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng sống rất hạnh phúc, vợ chồng chỉ cãi vã nhau bình thường nhưng vợ lại bỏ đi, anh không biết vợ ở đâu, anh điện thoại thì vợ không nghe máy, anh muốn tìm gặp để vợ chồng thỏa thuận hàng gần cùng nhau nuôi con, nhưng chị L luôn trốn tránh không gặp mặt anh, anh vẫn còn tình cảm với chị L. Tại phiên tòa hôm nay chị L cương quyết ly hôn nên anh chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Tòa án xét thấy hôn nhân là tự nguyện và xuất phát từ tình cảm của hai phía, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, hay cãi vã nhau nhưng anh, chị không giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng hiểu nhau và thương nhau nhiều hơn, ngược lại, anh chị để cho mâu thuẫn xảy ra ngày càng nhiều; chị L, anh V không tự nhìn nhận về bản thân để khắc phục sửa chữa dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn và tháng 12 năm 2022 thì anh chị ly thân, thời gian ly thân anh, chị không tạo điều kiện cho nhau để hàng gần tình cảm, mặc dù anh V cố gắng đoàn tụ nhưng chị L không gặp anh V mà trốn tránh anh V, chị L cho rằng không còn tình cảm với anh V, tại phiên tòa hôm nay anh V chấp nhận ly hôn vì vậy mâu thuẫn giữa chị L và anh V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa chấp nhận cho chị L và anh V ly hôn là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 06/10/2009, Nguyễn Ngọc T sinh ngày 11/7/2014, hiện tại anh V đang nuôi dưỡng, anh V yêu cầu tiếp tục nuôi.

Xét thấy con chung của chị L và anh V từ khi vợ chồng ly thân, anh V nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của các con cũng đã ổn định, tình cảm giữa anh V và con gần gũi hơn, khác khác con vẫn khỏe mạnh bình thường và Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Ngọc T có nguyện vọng sống chung với anh V vì vậy cần giao con chung cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh V không yêu cầu nên không xét.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị L, anh V không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Quốc V.

- Về con chung: Giao con tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 06/10/2009, Nguyễn Ngọc T sinh ngày 11/7/2014 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung : Anh V không yêu cầu nên không xét.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Chị L và anh V không yêu cầu nên không xét.

- Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015640 ngày 23/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Long Bắc
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh